

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2022
V/v Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hồng.
2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.*

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, về việc: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Phi L – sinh năm: 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Châu Văn Hoàng B – sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Phi L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Châu Văn Hoàng B chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, do quen biết, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 30/9/2009.

Sau ngày cưới, chị và anh B sống chung với cha mẹ ruột của chị tại ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị có khuyên nhưng anh B không thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị và anh B đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Phi L yêu cầu ly hôn với anh Châu Văn Hoàng B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Phạm Khả H, sinh ngày 03/3/2013, hiện cháu đang sống với chị Phi L. Khi ly hôn, chị Phi L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khả H và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu Khả H mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Khả H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phi L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Châu Văn Hoàng B:*

Anh Châu Văn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập, niêm yết thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phi L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Châu Văn Hoàng B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, anh Châu Văn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 09 tháng 9 năm 2022, chị Phi L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phi L và anh Biết theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phi L và anh B tự nguyện chung sống với nhau do quen biết, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 30/9/2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị Phi L trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị có khuyên nhưng anh B không thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị và anh B đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Anh B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày về quan hệ hôn nhân, vợ chồng có hay không phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị như thế nào. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế, giữa chị Phi L và anh B không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị Phi L và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phi L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Phạm Khả H, sinh ngày 03/3/2013, hiện cháu đang sống với chị Phi L. Khi ly hôn, chị Phi L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khả H.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Châu Phạm Khả H đang sống cùng với chị Phi L cuộc sống của cháu ổn định, sức khỏe bình thường, điều kiện sống của chị Phi L đảm bảo thuận tiện cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Mặt khác, cháu Châu Phạm Khả H có nguyện vọng sống với chị Phi L. Do đó, khi ly hôn giao cháu Khả H cho chị Phi L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Khả H và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Phi L yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Châu Phạm Khả H mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Khả H đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không cung cấp cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh không đủ điều kiện, thu nhập, khả năng thực tế cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng của chị Phi L yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Phi L là phù hợp khả năng, thu nhập thực tế theo mức lương của anh B và phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị Phi L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phi L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Anh B biết phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 51, 53; 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Phi L.

Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Phi L được ly hôn với anh Châu Văn Hoàng B.

Về con chung: Giao cháu Châu Phạm Khả H, sinh ngày 03/3/2013 cho chị Phạm Thị Phi L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Châu Văn Hoàng B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Châu Phạm Khả H mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Châu Phạm Khả H đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022.

Anh Châu Văn Hoàng B không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị Phi L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Phi L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008632 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Phạm Thị Phi L đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Châu Văn Hoàng B phải nộp án phí cấp dưỡng với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

